

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 - 7 - 2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương và bà Đặng Thị Minh Hồng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị Th**, sinh năm 1979;

(có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* **Anh Hà Văn T**, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Đều ở địa chỉ: khu V, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2021 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị với anh Hà Văn T tự nguyện kết hôn vào ngày 20/3/2000, có đăng ký tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng ở khu V, xã M. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2016, hai người đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau nữa. Nguyên nhân, trong cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp với nhau. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là cháu Hà Thúy H, sinh ngày 16/6/2000, cháu Hà Thị Thu Ph, sinh ngày 10/4/2002 và cháu Hà Phương Đ, sinh ngày 03/10/2006. Hiện nay, cháu H và cháu Ph đã thành niên, tự lao động được nên không phải nuôi dưỡng; cháu Đ đã học hết lớp 11. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của cháu Đ, cháu muốn ở với ai chị cũng đồng ý. Nếu cháu Đ ở với chị, chị không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Phía Bị đơn, anh Hà Văn T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt nên không có quan điểm.

[3]. Quan điểm của con chung chưa thành niên: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2022 của Tòa án huyện T, cháu Hà Phương Đ trình bày nguyện vọng mong muốn được ở cùng anh T khi Tòa án giải quyết cho chị Th ly hôn anh T. Đồng thời, cháu Đ cung cấp: Hiện nay anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng một tháng về nhà 2 đến 3 lần. Cháu Đ đã trực tiếp đưa Thông báo của Tòa án về việc giải quyết việc ly hôn giữa chị Th với anh T và Giấy báo của Tòa án cho anh T nhưng anh T vẫn tiếp tục đi làm.

[4]. Quan điểm của đại diện gia đình anh Hà Văn T: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2022, bà Hà Thị M (là mẹ anh T) cho biết, anh T và chị Th kết hôn năm 2000. Sau khi kết hôn, anh chị ở chung với bà. Quá trình chung sống anh T và chị Th không hòa thuận, hạnh phúc; cả hai thường xuyên đi làm ăn xa. Từ năm 2021, chị Th chính thức bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh T hiện nay đi làm ăn, bà không biết địa chỉ cụ thể ở đâu; anh T thường xuyên điện thoại về cho bà, chỉ thỉnh thoảng về nhà. Bà cùng với cháu Đ đã thông báo cho anh T biết việc Tòa án đang giải quyết việc chị Th làm đơn xin ly hôn anh T, nhưng anh T nói rằng do công việc bận nên không đến Tòa án làm việc được.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị Th và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung của vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Th; cho chị Th được ly hôn anh T. Về con chung: Hiện nay, cháu H và cháu Ph đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên chị Th không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Đ chuẩn bị học lớp 12, khi ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo nguyện vọng của cháu Đ, giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Đối với quan hệ về tài sản

chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị Th có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn T, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, tuy nhiên anh T cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 20/3/2000, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Th cho rằng vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc; thường xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng đều phải đi làm ăn xa mỗi người một nơi nên không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi, chửi nhau. Chị và anh T đã chính thức ly thân từ năm 2016, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Phía anh T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy báo nhưng cố tình trốn tránh không đến Tòa án để trình bày quan điểm.

Để thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Th, anh T Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư, UBND xã M thấy rằng: Lời trình bày của chị Th về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh T là hoàn toàn đúng. Đại diện gia đình anh T là bà Hà Thị M (là mẹ đẻ anh T) cũng xác định anh T và chị Th chung sống không hòa thuận hạnh phúc, cả hai thường xuyên đi làm ăn xa, từ năm 2021, chị Th đã chính thức bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; hai bên không hợp tác hòa giải và không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Vì vậy, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. *Về con chung*: Chị Th và anh T có 03 con chung là cháu Hà Thúy H, sinh ngày 16/6/2000, cháu Hà Thị Thu Ph, sinh ngày 10/4/2002 và cháu Hà Phương Đ, sinh ngày 03/10/2006. Hiện nay, cháu H và cháu Ph đã thành niên và xây dựng gia đình ở riêng; cháu Đ chuẩn bị vào học lớp 12 hiện đang ở với anh T. Đối với cháu H và cháu Ph đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên chị Th không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, các cháu ở cùng ai tùy thuộc vào các cháu và gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Đ chuẩn bị học lớp 12, khi ly hôn, chị Th tôn trọng nguyện vọng của cháu, nếu cháu muốn ở với chị thì chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu Đ đã 17 tuổi, hiện nay đang ở với anh T và bà nội (bà Hà Thị M) và có nguyện vọng muốn ở với bố (anh T). Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết theo nguyện vọng của cháu Đ, giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

2.3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Bị đơn chưa có yêu cầu. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Khi chị Th, anh T có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.5. *Về án phí*: Chị Th là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

2.7. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Th. Cho chị Hà Thị Th được ly hôn anh Hà Văn T.
2. *Về con chung*: Giao cháu Hà Phương Đ, sinh ngày 03/10/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Chị Th không phải

thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Hà Thị Th phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Th đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2020/7408 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.
5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Th có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai